TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM THAO** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24 -10 - 2023
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM THAO, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Kim Liên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tiến Dũng

2. Ông Hà Thanh Phong

- *Thư ký phiên toà*: Ông Lê Đức Xiêm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thu Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29/9/2023, ngày 30/9/2023 và ngày 24/10/2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2023/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2023 về việc "Tranh chấp Hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2023 và quyết định tạm ngừng phiên tòa số 23/2023/ QĐST – HNGĐ ngày 30/9/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Thu H, sinh năm 1988,

Địa chỉ: Khu A, xã C, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Bùi Văn Đ, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Khu A, xã S, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

(Chị H có mặt, anh Đ có mặt tại phiên tòa ngày 29/9/2023, vắng mặt ngày 30/9/2023 và ngày 24/10/2023)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Toà án, nguyên đơn chị Đặng Thị Thu H trình bày:

Chị và anh Bùi Văn Đ đăng ký kết hôn với nhau ngày 20/11/2007 tại UBND xã S, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn, hai người có tự do tìm hiểu và đến với nhau tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với

nhau cùng gia đình nhà chồng tại khu A, xã S, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng vợ chồng không thể khắc phục được mâu thuẫn; chị và anh Đ đã sống ly thân từ tháng 5/2023 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Bùi Văn Đ có 02 con chung là cháu Bùi Thị Lan A, sinh ngày 23/02/2008 và cháu Bùi Đăng H1, sinh ngày 12/9/2012. Hiện tại cháu Bùi Thị Lan A đang ở cùng với chị tại khu A, xã C, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, còn cháu Bùi Đăng H1 ở cùng với anh Đ và gia đình nhà chồng ở khu A, xã S, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Bùi Thị Lan A; giao cho anh Đ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Bùi Đăng H1. Hai bên không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công sức đóng góp gia đình: Chị H xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Bùi Văn Đ trình bày:

Anh và chị Đặng Thị Thu H đăng ký kết hôn với nhau ngày 20/11/2007 tại UBND xã S, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn, hai người có tự nguyện tìm hiểu không bị ai ép buộc. Quá trình chung sống với nhau từ trước đến nay vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn lớn; đến năm 2013 chị H đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan, đến khoảng tháng 6/2023 thì chị H về nước; sau đó chị về nhà bố mẹ đẻ khu A, xã C, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ ở và không liên lạc gì với anh. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và do các con chung còn nhỏ, anh muốn các cháu được ở có bố, có mẹ nên chị H xin ly hôn thì anh không đồng ý.

Về con chung: Anh Đ xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Thị Lan A, sinh ngày 23/02/2008 và cháu Bùi Đăng H1, sinh ngày 12/9/2012.

Hiện tại vì các con chung còn nhỏ nên anh Đ muốn các cháu ở với nhau cho có chị có em. Trường hợp chị H kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu chị H phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Ngoài ra, tại phiên tòa anh Đ trình bày: Thời gian gần đây, lúc chị H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan đã có con riêng với người khác; tuy nhiên anh không nắm được cụ thể sự việc. Phía chị H xác định chị không có con riêng như anh Đ trình bày.

Về tài sản chung: Anh Đ xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Trong bản tự khai và tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án anh Đ xác định vợ chồng tự thỏa thuận nên chưa đề nghị Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa anh Đ trình bày trong thời gian chị H đi xuất khẩu lao động thì anh ở nhà có vay mượn một số người là anh em trong gia đình và người quen của anh Đ và đề nghị tòa án giải quyết về công nợ.

Về công sức đóng góp: Anh Đ xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng cũng như việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ của người tiến hành tố tụng là đúng quy định của pháp luật. Đối với các đương sự, thì nguyên đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình; còn phía bị đơn mặc dù đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng nhiều lần vắng mặt không có lý do, sau đó anh Đ có đến tòa án làm việc.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị Đặng Thị Thu H được ly hôn với anh Bùi Văn Đ;

Về con chung: Giao con chung là cháu Bùi Thị Lan A, sinh ngày 23/02/2008 cho chị Đặng Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao con chung là cháu Bùi Đăng H1, sinh ngày 12/9/2012 cho anh Bùi Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Hai bên không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Tòa án đã xác minh và anh Đ không có tài liệu gì để xác định chị H có con riêng nên không xem xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Đặng Thị Thu H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" giữa chị Đặng Thị Thu H và anh Bùi Văn Đ. Bị đơn là anh Bùi Văn Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu A, xã S, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao đã tiến hành thủ tục tống đạt trực tiếp văn bản tố tụng cho anh Đ; tuy nhiên nhiều lần anh Đ vắng mặt không có lý do. Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao đã tiến hành xác minh, làm việc tại nơi cư trú của anh Đ và lấy lời khai của ông Bùi Văn T (Bố đẻ của anh Đ), được ông T cho biết anh Đ hiện đang làm ăn tại thành phố Hà Nội thỉnh thoảng gia đình có công việc thì anh Đ mới về nhà. Tuy nhiên, địa chỉ cụ thể và công việc làm ăn của anh Đ thì ông không nắm rõ. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt văn bản tố tụng cho anh Đ thông qua bố đẻ của anh Đ là ông Thạch nhận thay và cam kết sẽ có trách nhiệm giao cho anh Đ. Sau đó, anh Đ có đến Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao làm việc và có lời khai. Phiên tòa ngày 29/9/2023 anh Đ có mặt; phiên tòa ngày 30/9/2023, anh Đ vắng mặt không có lý do. Sau đó Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm thao đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để xác minh thu thập chứng cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 259 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định tạm ngừng phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao đã tiến hành thủ tục tống đạt thông báo mở lại phiên tòa cho anh Đ thông qua bố đẻ anh Đ là (ông T) nhưng phiên tòa ngày 24/10/2023 anh Đ vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Thu H và anh Bùi Văn Đ có đăng ký kết hôn với nhau ngày 20/11/2007 tại UBND xã S, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, hai bên tự nguyện tìm hiểu, không bị ép buộc. Đây là cuộc hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, phù hợp với các quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn được chị H xác định là do tính cách, lối sống của hai người không hợp nhau; vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Chị và anh Đ đã sống ly thân kể từ tháng 5 năm 2023 đến nay. Còn phía anh Đ xác định vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn lớn; năm 2013 chị H đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan đến khoảng tháng 6/2023 thì chị H về nước và về nhà bố mẹ đẻ khu A, xã C, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ ở và không liên lạc gì với anh; Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của anh Đ không có tính thuyết phục; bởi lẽ anh Đ cho rằng vợ chồng anh không có mâu thuẫn lớn nhưng bản thân anh cũng xác định vợ chồng hiện tại đã sống ly thân và không liên lạc gì với nhau một thời gian, anh cũng không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng và tại phiên hòa giải lần hai anh Đ vắng mặt không có lý do; điều đó thể hiện lời trình bày của anh Đ chỉ mang tính gây khó khăn cho việc chị H xin ly hôn mà không hề có mục đích khắc phục mâu thuẫn vợ chồng để hai người tiếp tục chung sống với nhau. Mặt khác, qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị H và anh Anh Đ1 sinh sống và qua lời trình bày của ông T (bố đẻ

của anh Đ1) xác định quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Đ1 có mâu thuẫn và chị H, anh Đ1 đã sống ly thân kể từ tháng giữa năm 2023 đến nay, chị H đã đưa con chung chuyển về sống cùng gia đình bố mẹ đẻ tại khu A, xã C, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, hai vợ chồng không ai còn quan tâm đến ai nữa. Xét thấy cuộc sống chung giữa chị H và anh Đ1 mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị H đề nghị ly hôn với anh Đ1 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị Đặng Thị Thu H và anh Bùi Văn Đ có 02 con chung là cháu Bùi Thị Lan A, sinh ngày 23/02/2008 và cháu Bùi Đăng H1, sinh ngày 12/9/2012. Khi ly hôn chị H đề nghị được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Bùi Thị Lan A; giao cho anh Đ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Bùi Đăng H1. Hai bên không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau; còn phía anh Đ xác định về con chung muốn các cháu được ở với nhau để có chị có em. Trường hợp chị H kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu chị H phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Xét đề nghị của chị H và anh Đ đều xin được nuôi con là chính đáng vì thực tế cả chị H và anh Đ đều đủ điều kiện nuôi con chung. Tuy nhiên, anh Đ xin được nuôi cả hai con chung là chưa phù hợp bởi lẽ anh Đ hiện nay đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về nhà. Hơn nữa, chị H đang là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Bùi Thị Lan A còn anh Đ hiện đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Đăng H1. Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống ổn định của các cháu và để các cháu có đủ điều kiện về vật chất cũng như tinh thần cần giao con chung là cháu Bùi Thị Lan A, sinh ngày 23/02/2008 cho chị Đặng Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con chung là cháu Bùi Đăng H1, sinh ngày 12/9/2012 cho anh Bùi Văn Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và thăm nom con chung.

Tại phiên tòa ngày 29/9/2023 anh Đ đề nghị Tòa án giải quyết về việc chị H có 01 con riêng. Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa để xác minh, thu thập bổ sung tài liệu chứng cứ và yêu cầu đương sự giao nộp tài liệu chứng cứ nhưng anh Đ không giao nộp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho việc chị H có con chung với người khác và tại phiên tòa chị H khẳng định quá trình chung sống vợ chồng, chị và anh Đ chỉ có 02 con chung là cháu Bùi Thị Lan A và cháu Bùi Đăng H1; ngoài ra, vợ chồng anh chị không con riêng nào khác. Mặt khác, qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị H, anh Đ kết hôn và sinh sống tại UBND xã S và xác minh tại UBND xã C, huyện L nơi chị H sinh ra, được đại diện chính quyền địa phương cũng xác nhận chị H và anh Đ có 02 con chung là cháu Bùi Thị Lan A

và cháu Bùi Đăng H1. Anh Đ chị H không có con chung, con riêng nào khác. Vì vậy, không có căn cứ để xem xét yêu cầu của anh Đ về việc chị H có con riêng là phù hợp.

Về tài sản chung, công sức đóng góp bên vợ hoặc bên chồng: Chị Đặng Thị Thu H và anh Bùi Văn Đ đều xác định không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị Đặng Thị Thu H xác định không đề nghị Toà án giải quyết; còn phía anh Đ cho rằng quá trình chung sống với nhau, thời gian chị H đi xuất khẩu lao động thì anh có đứng ra vay nợ một số người thân trong gia đình và người quen của anh; tuy nhiên tại bản khai và tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án anh không đề nghị Tòa án giải quyết về công nợ chung để vợ chồng tự thỏa thuận và tại phiên tòa, anh Đ cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho việc vợ chồng có vay nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp. Trường hợp anh Đ có đơn khởi kiện đến Tòa án đề nghị giải quyết về công nợ thì sẽ được Tòa án có thẩm quyền xem xét, giải quyết bằng một vụ án khác.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đặng Thị Thu H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 271, khoản 1 và khoản 3 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Thu H.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đặng Thị Thu H được ly hôn với anh Bùi Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Bùi Thị Lan A, sinh ngày 23/02/2008 cho chị Đặng Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu thành niên. Giao con chung là cháu Bùi Đăng H1, sinh ngày 12/9/2012 cho anh Bùi Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu thành niên. Hai bên không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và thăm nom con chung.

3. VỀ tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Không đặt ra giải quyết.

4 Về án phí: Chị Đặng Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Đặng Thị Thu H đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2020/0002508 ngày 10/7/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết để đề nghị xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện Lâm Thao;
- Chi cục THADS huyện Lâm Thao;
- UBND xã S, huyện Lâm Thao;
- Đương sự;
- Lưu HSVA, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Kim Liên